FireAnt

CTCP Thuận Đức (HSX: TDP)

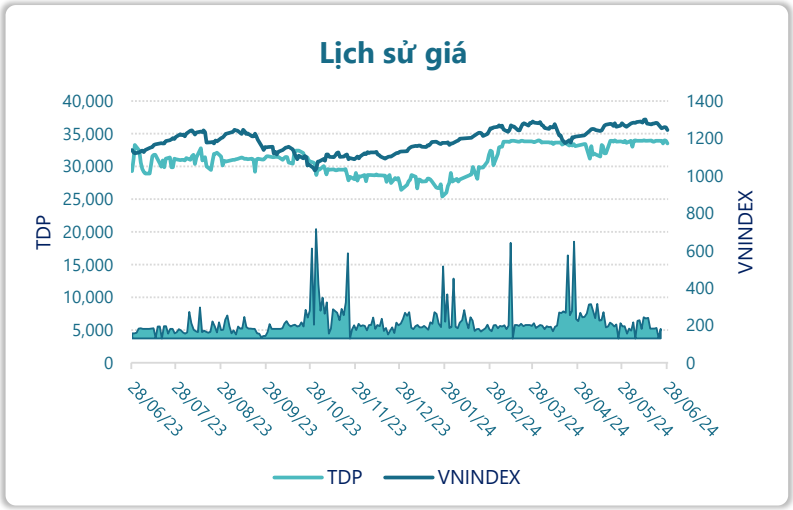

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**33,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,400
SL cổ phiếu LH	80,202,202
KLGD BQ 20 phiên (CP)	69,660
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,687
P/E	35.4
EPS	947

DT thuần

Q2/24

1,099

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 0.1%

YoY: ▲ 314| 40.0%

LN sau thuế

Q2/24

29.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.3| 63.4%

YoY: ▲ 24.5| 535%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

7.6%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

6T 2024

2,197

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 511| 30.3%

LN sau thuế

6T 2024

46.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.8| 211%

ROE

Q2/24

8.4%

+/- YoY: ▲ 2.2%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

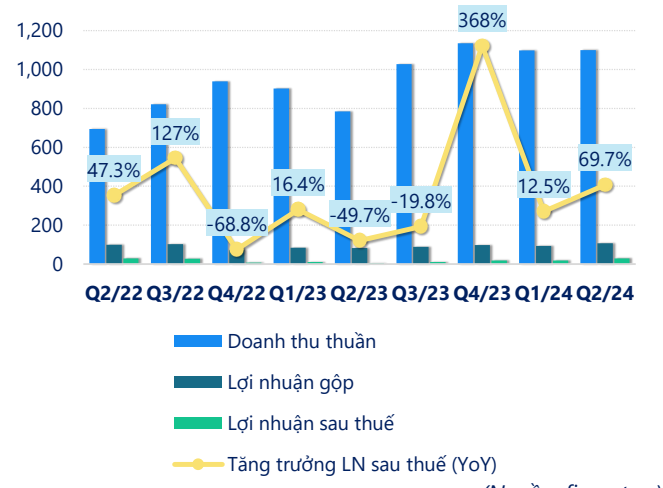

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

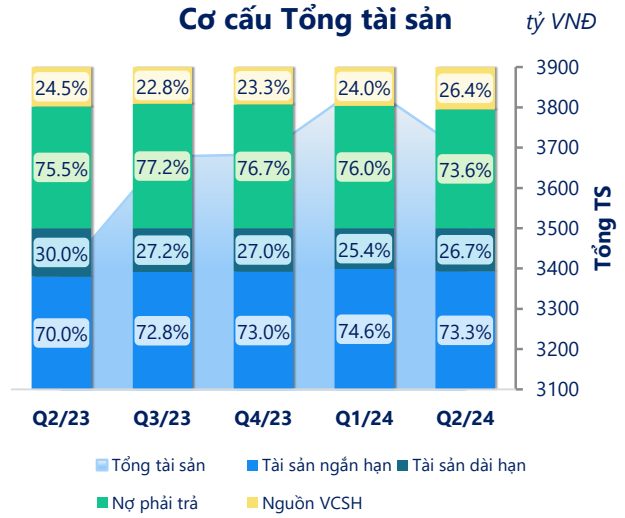

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

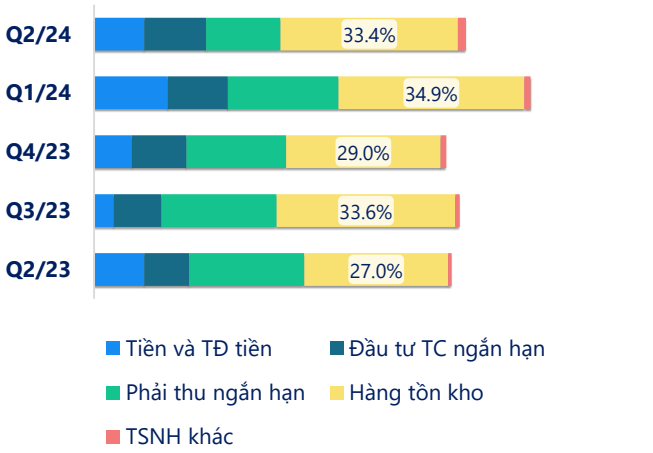

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

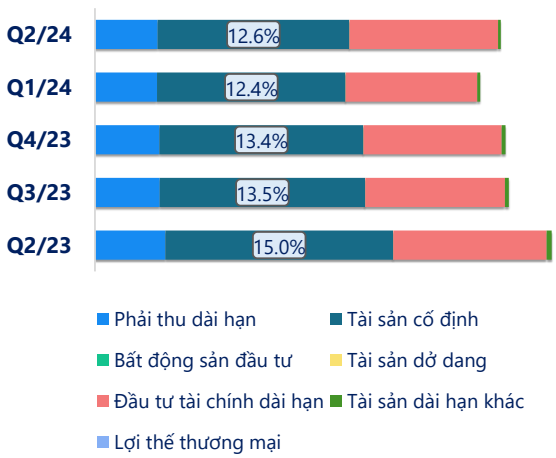

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

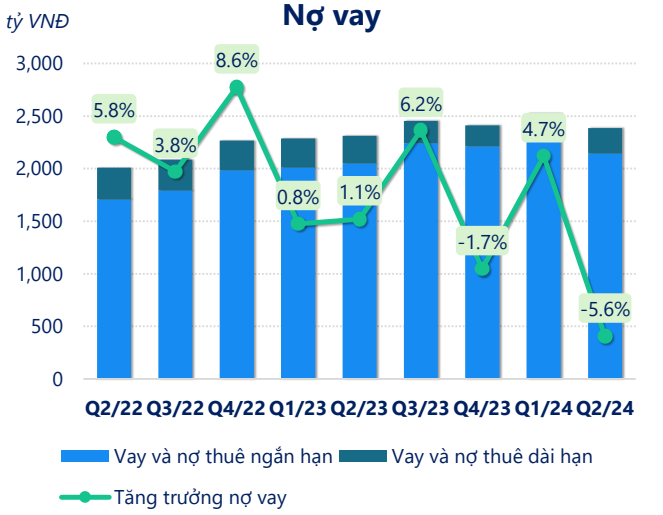

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

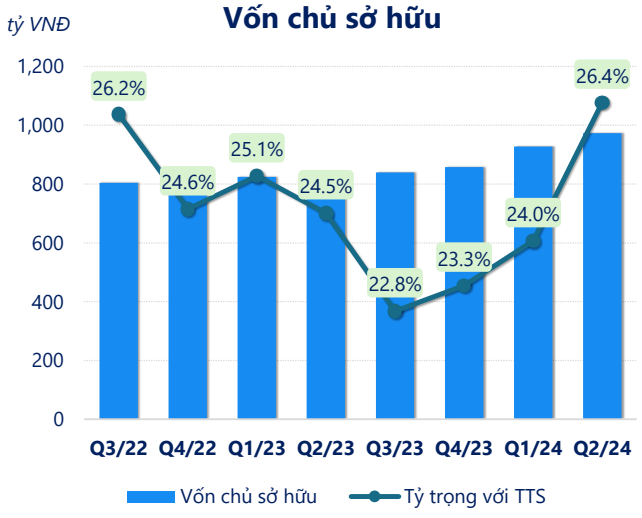

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

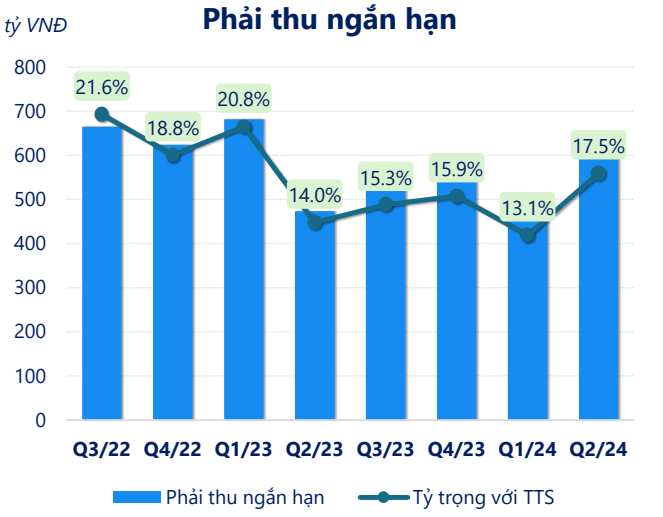

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

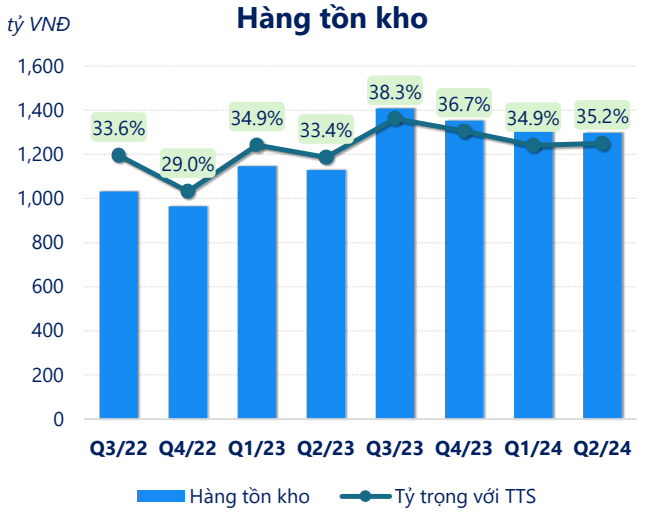

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

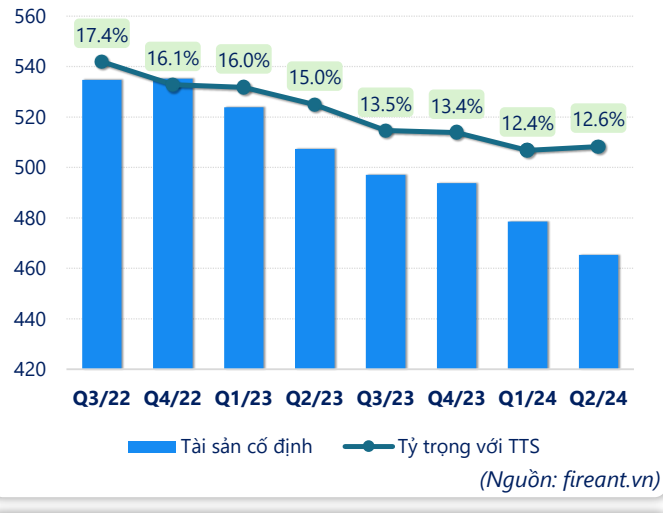

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

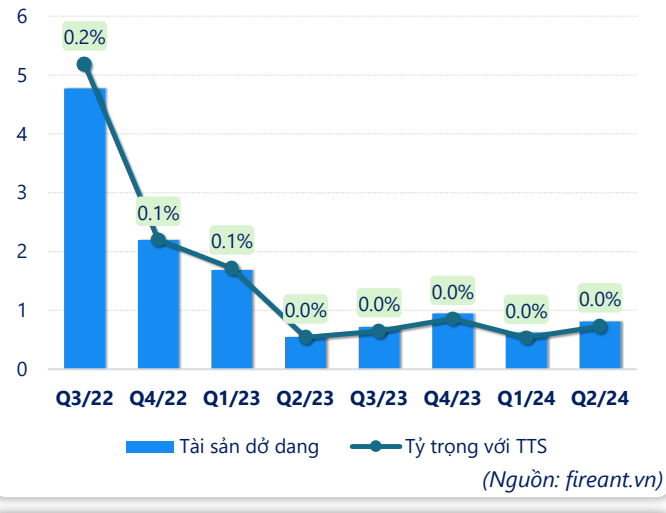

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

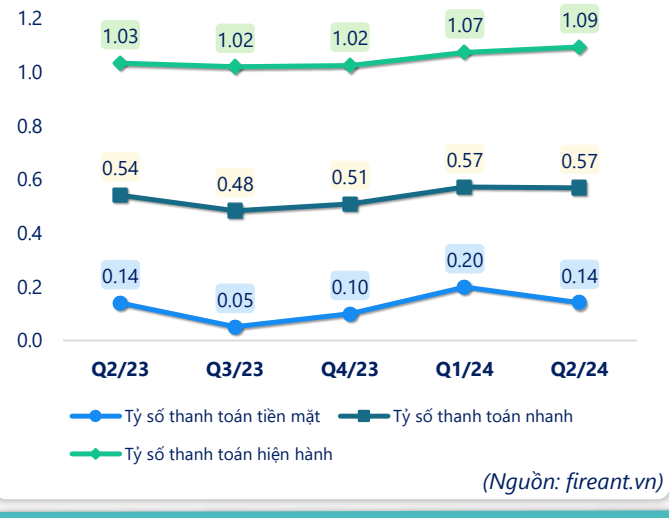

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

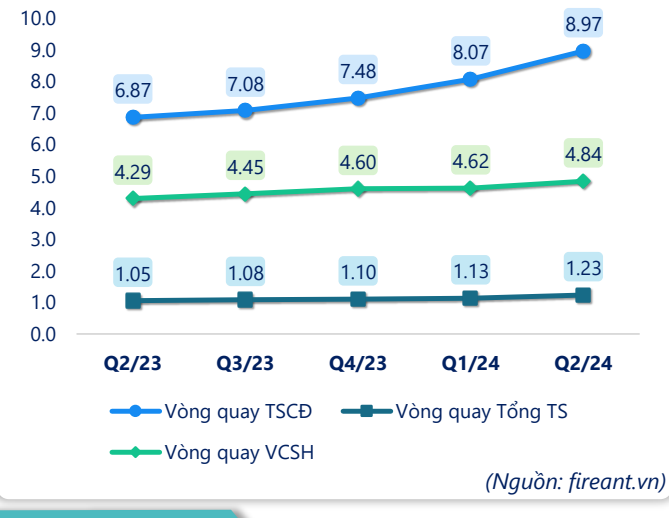

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**3,383**	**3,678**	**3,683**	**3,859**	**3,688**
Tài sản ngắn hạn	**2,366**	**2,676**	**2,688**	**2,880**	**2,703**
Tiền và tương đương tiền	320	135	260	534	347
Đầu tư tài chính ngắn hạn	395	545	457	458	388
Phải thu ngắn hạn	473	561	584	505	645
Hàng tồn kho	1,128	1,408	1,353	1,346	1,297
Tài sản ngắn hạn khác	49.8	27.2	33.6	37.0	25.8
Tài sản dài hạn	**1,017**	**1,002**	**995**	**979**	**985**
Phải thu dài hạn	157	157	157	158	152
Tài sản cố định	507	497	494	479	465
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.55	0.72	0.95	0.62	0.81
Đầu tư tài chính dài hạn	341	338	335	334	360
Tài sản dài hạn khác	10.9	9.49	9.73	7.90	6.57
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,554**	**2,838**	**2,826**	**2,932**	**2,715**
Nợ ngắn hạn	**2,289**	**2,623**	**2,622**	**2,683**	**2,471**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,049	2,242	2,210	2,278	2,143
Phải trả người bán ngắn hạn	174	276	284	309	237
Nợ dài hạn	265	215	204	249	244
Vay và nợ thuê dài hạn	262	212	201	247	242
Nguồn vốn chủ sở hữu	**829**	**840**	**857**	**927**	**973**
Vốn chủ sở hữu	**829**	**840**	**857**	**927**	**973**
Vốn điều lệ	755	755	755	791	802
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)